BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

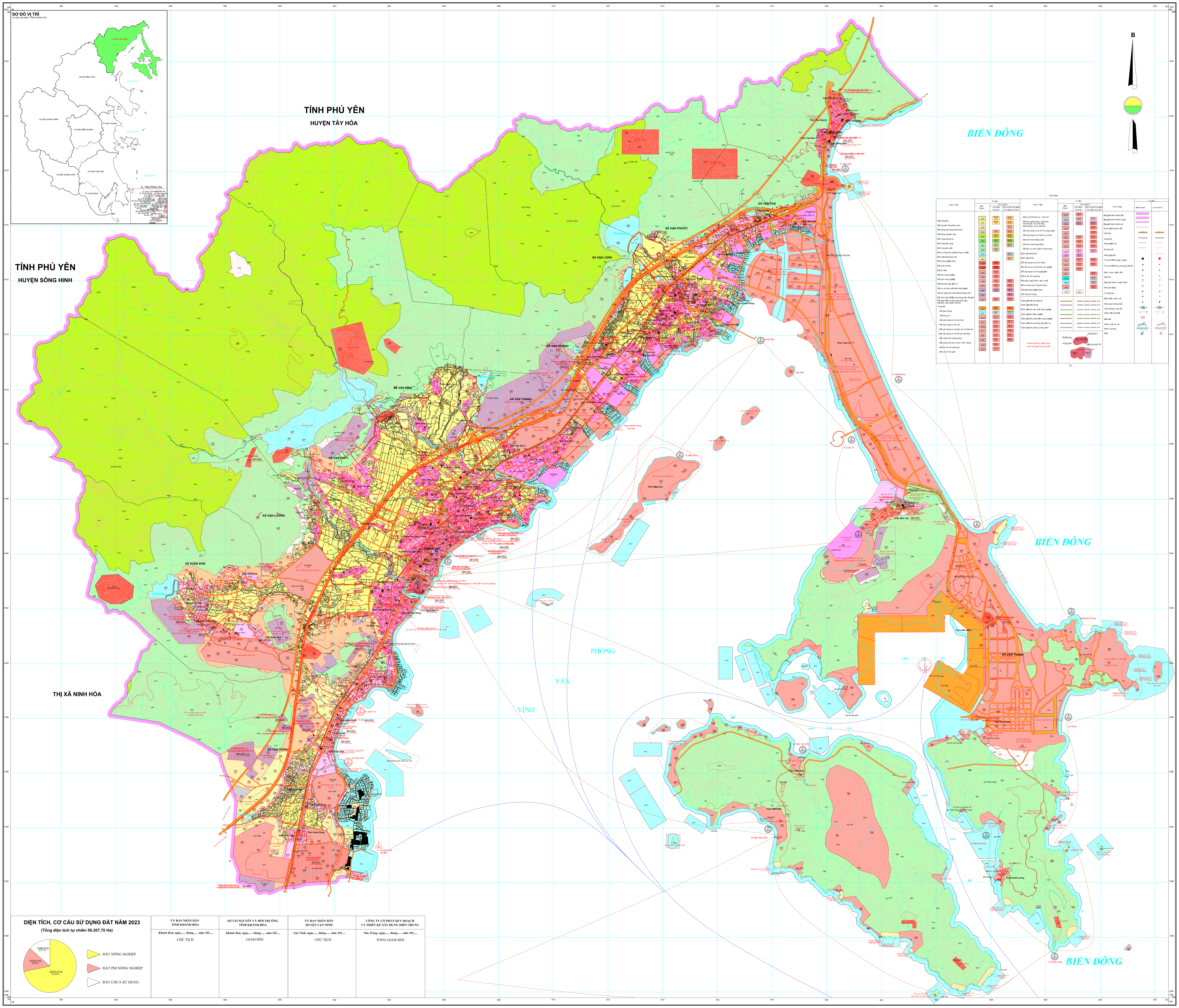
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ
HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA
HUYỆN VẠN NINH
THỊ XÃ NINH HÒA
HUYỆN KHÁNH VĨNH
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TP NHA TRANG
HUYỆN KHÁNH SƠN
HUYỆN CAM LÂM
TP CAM RANH
H. TRƯỜNG SA
BIỂN ĐÔNG
TỈNH PHÚ YÊN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN
HUYỆN SÔNG HINH
THỊ XÃ NINH HÒA
XÃ ĐẠI LÃNH
XÃ VẠN THỌ
XÃ VẠN PHƯỚC
XÃ VẠN LONG
XÃ VẠN KHÁNH
XÃ VẠN BÌNH
XÃ VẠN THẮNG
XÃ VẠN PHÚ
XÃ VẠN LƯƠNG
XÃ XUÂN SƠN
TT VẠN GIÃ
XÃ VẠN HƯNG
XÃ VẠN THẠNH
Thôn Điệp Sơn
Thôn Tuần Lễ
Thôn Vĩnh Yên
Thôn Đầm Môn
Thôn Ninh Tân
Thôn Ninh Đảo
Thôn Khải Lương
hồ Hoa Sơn
Hồ Đồng Điền
hồ Đá Đen
VỊNH
VÂN
PHONG
Lạch
Cổ
Cò
Cửa
Bé
BIỂN ĐÔNG
BIỂN ĐÔNG
BIỂN ĐÔNG
B

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH CẤP TỈNH PHÂN BỔ	QUY HOẠCH CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH/ XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất trồng lúa	LUA	Mã HT LUA	Mã HT LUA
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	Mã HT LUC	Mã HT LUC
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		Mã HT HNK
Đất trồng cây lâu năm	CLN	Mã HT CLN	Mã HT CLN
Đất rừng phòng hộ	RPH	Mã HT RPH	Mã HT RPH
Đất rừng đặc dụng	RDD	Mã HT RDD	Mã HT RDD
Đất rừng sản xuất	RSX	Mã HT RSX	Mã HT RSX
Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	Mã HT RSN	
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		Mã HT NTS
Đất nông nghiệp khác	NKH		Mã HT NKH
Đất quốc phòng	CQP	Mã HT CQP	
Đất an ninh	CAN	Mã HT CAN	
Đất khu công nghiệp	SKK	Mã HT SKK	
Đất cụm công nghiệp	SKN	Mã HT SKN	
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	Mã HT TMD	Mã HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Mã HT SKC	Mã HT SKC
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	Mã HT SKS	Mã HT SKS
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		Mã HT SKX
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	Mã HT DHT	Mã HT DHT
Trong đó:			
Đất giao thông	DGT	Mã HT DGT	Mã HT DGT
Đất thuỷ lợi	DTL	Mã HT DTL	Mã HT DTL
Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	Mã HT DVH	Mã HT DVH
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	Mã HT DYT	Mã HT DYT
Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	Mã HT DGD	Mã HT DGD
Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	Mã HT DTT	Mã HT DTT
Đất công trình năng lượng	DNL	Mã HT DNL	Mã HT DNL
Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	Mã HT DBV	Mã HT DBV
Đất kho dự trữ quốc gia	DKG	Mã HT DKG	
Đất cơ sở tôn giáo	TON	Mã HT TON	

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH CẤP TỈNH PHÂN BỔ	QUY HOẠCH CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH/ XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	Mã HT DDT	
Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	Mã HT NTD	Mã HT NTD
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	Mã HT DRA	Mã HT DRA
Đất xây dựng cơ sở KH và công nghệ	DKH		Mã HT DKH
Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		Mã HT DXH
Đất danh lam thắng cảnh	DDL	Mã HT DDL	Mã HT DDL
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	Mã HT DSH	Mã HT DSH
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	Mã HT DKV	Mã HT DKV
Đất ở tại nông thôn	ONT	Mã HT ONT	Mã HT ONT
Đất ở tại đô thị	ODT	Mã HT ODT	
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	Mã HT TSC	Mã HT TSC
Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	Mã HT DTS	Mã HT DTS
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	Mã HT DNG	
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		Mã HT TIN
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		Mã HT SON
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		Mã HT MNC
Đất phi nông nghiệp khác	PNK		Mã HT PNK
Đất chưa sử dụng	CSD	CSD	
Ranh giới đất khu kinh tế	━	╍	
Ranh giới đất đô thị	━	╍	
Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp	━	╍	
Ranh giới khu lâm nghiệp	━	╍	
Ranh giới khu phát triển công nghiệp	━	╍	
Ranh giới khu thương mại, dịch vụ	━	╍	
Ranh giới khu dân cư nông thôn	━	╍	

Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất

Mã hiện trạng
Mã kế hoạch
Năm kế hoạch
Mã HT Năm 2023
SKX 10 Ha
Diện tích chuyển đổi
Phần quy hoạch đến năm 2030
Mã HT SKX
Mã HT SKX

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
Địa giới hành chính tỉnh	━	
Địa giới hành chính huyện	━	
Địa giới hành chính xã	━	
Ranh giới khoanh đất	─	
Quốc lộ	━①━	━①━
Huyện lộ	━	━
Đường liên xã	─	─
Đường sắt	─	─
Ranh giới QH		─
Trụ sở UBND quận, huyện	◉	◉
Trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	●	●
Đình, chùa, miếu, đền	▲	▲
Nhà thờ	✝	✝
Đài phát thanh, truyền hình	▲	▲
Sân vận động	▭	▭
Trường học	■	■
Bệnh viện, trạm y tế	⊕	⊕
Nhà máy có ống khói	▲	▲
Cầu bê tông, cầu sắt	═	═
Cống, đập các loại	┬	┬
Địa hình	0,25	
Sông, suối, ao, hồ	≈	≈
Kênh, mương	═	═
Đập	✱	✱

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

(Tổng diện tích tự nhiên 56.207,70 Ha)

	Diện tích	Tỷ lệ
ĐẤT NÔNG NGHIỆP	45.673,37 Ha	81,26 %
ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	5.074,31 Ha	9,03 %
ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	5.460,02 Ha	9,71 %

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH	CÔNG TY CỔ PHẦN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG MIỀN TRUNG
Khánh Hoà, ngày...... tháng...... năm 202.....	*Khánh Hoà, ngày...... tháng...... năm 202.....*	*Vạn Ninh, ngày...... tháng...... năm 202.....*	*Nha Trang, ngày...... tháng...... năm 202.....*
CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022
- Bản đồ quy hoạch các ngành; Bản đồ dự thảo điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn 2050

TỶ LỆ 1 : 25000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
Công ty Cổ phần Quy hoạch và Thiết kế Xây dựng MiềnTrung